

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày 04-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Trọng Thủy và ông Nguyễn Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Phan Ngọc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 25/7/2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc P, sinh ngày 05/9/1978 tại huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Quang T (chết) và bà Trần Thị L; có vợ Phan Thị T và 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/8/2009 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tại Bản án số 30/2009/HSST, ngày 13/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07 năm tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”, tại Bản án số 02/2012/HSST; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, từ ngày 28/3/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 09/9/1996 tại huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị N; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, từ ngày 28/3/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thành T, sinh ngày 06/3/1986 tại huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn

giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm ruộng; con ông Nguyễn Ngọc C và bà Trần Thị M (đều đã chết); có vợ Lê Thị Đ và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 23/02/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “hiếp dâm”, tại Bản án số 12/2004/HSST; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 28/3/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Ngọc P:* bà Trần Thị A - Trợ giúp viên pháp lý thuộc T tâm TGPL Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Lê Ngọc C, sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/03/2022, Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73D1- 239.01 đến quán nước thì gặp Lê Huỳnh Đ, lúc này T rủ Đ đi mua ma túy về để sử dụng, Đ đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở Đ đến cầu C thuộc địa phận thôn Đ, xã Đ, huyện T thì T dừng xe lại rồi dùng điện thoại di động gọi cho Lê Ngọc P đặt vấn đề mua ma túy, T đưa cho Đ số tiền 70.000 đồng, trong người của Đ có số tiền 310.000 đồng, tổng cộng là 380.000 đồng. T tiếp tục điều khiển xe chở Đ đến nhà của Lê Ngọc P, khi đến nơi, T dừng xe đứng ngoài, còn Đ đi vào nhà của P đặt vấn đề mua ma túy, Đ đưa cho P số tiền 380.000 đồng, P đưa cho Đ 05 viên ma túy loại hồng phiến. Sau khi có được ma túy, T điều khiển xe mô tô chở Đ đi theo đường nội thôn Đ, xã Đ, huyện T thì bị tổ công tác Công an huyện T yêu cầu dừng xe để kiểm tra, quá trình kiểm tra phát hiện trong túi quần phía sau bên trái đang mặc trên người của Nguyễn Thành T có một túi nilon trong suốt, bên trong chứa 05 viên nén hình tròn màu hồng, dạng thuốc tân dược. T và Đ khai nhận đó là ma túy, loại hồng phiến, mục đích mua ma túy về để sử dụng. Tổ công tác đã thu giữ và niêm phong toàn bộ tang vật nói trên.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thành T, Lê Ngọc P, Lê Huỳnh Đ, nhưng không thu giữ được gì.

Tại bản Kết luận giám định số: 392/KL-KTHS ngày 04/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 05 (năm) viên nén hình tròn màu hồng, trên một mặt mỗi viên có in chữ “WY” có tổng khối lượng: 0,504 gam, sau khi giám định số ma túy còn lại có tổng khối lượng là: 0,377g (Không phải ba trăm bảy mươi bảy gam). Mẫu gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 323, Danh mục II, Nghị định số: 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của chính phủ.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ: một phong bì thư, trên có ghi nội dung “392/KL-KTHS” Mẫu ký hiệu A, niêm phong bằng các chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của

phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, ngoài cùng dán băng dính trong suốt, bên trong có 0,377g (không phải ba trăm bảy mươi bảy gam) mẫu ký hiệu A, là chất ma túy, loại Methamphetamine, sau giám định được gói bằng túi nilon trong suốt, ngoài có ghi chữ “A” cùng vỏ bao gói.

Thu giữ của Nguyễn Thành T một điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Glaxxy A02S, màu xanh, số IMEI 1: 356525681260663; số IMEI 2: 359001161260661, gắn thẻ sim số 0843818186; tình trạng đã qua sử dụng và một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu sơn đen-xám; số khung RLCUE 3740LY035842, số máy E32VE109344, Biển kiểm soát 73D1-239.01; tình trạng đã qua sử dụng.

Thu giữ của Lê Ngọc P một điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Glaxxy S20 ULTRA, màu đen, số IMEI 1: 354896110695171; số IMEI 2: 354897110695179, có gắn thẻ sim số 0911966514; tình trạng đã qua sử dụng; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành số tiền 2.690.000đ (hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và một chai nhựa trong suốt, trên thân đục lỗ và gắn một tờ giấy cuộn tròn.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSTH-HS ngày 20/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Ngọc P về tội “mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc P từ 24 - 30 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T mỗi bị cáo từ 12 - 15 tháng tù; Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư, trên có ghi nội dung “392/KL-KTHS” Mẫu ký hiệu A bên trong có chất ma túy cùng vỏ bao gói; 01 chai nhựa có gắn một tờ giấy cuộn tròn; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 380.000 đồng và trả lại 01 điện thoại di động bên trong có gắn thẻ sim cho bị cáo Nguyễn Thành T; trả lại cho bị cáo Lê Ngọc P 01 điện thoại di động, số tiền 2.310.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc P: nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên xét hoàn cảnh của gia đình bị cáo P rất khó khăn, các con của bị cáo còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án 24 tháng tù để bị cáo cải tạo có cơ hội sớm về hòa nhập với cộng đồng và chăm lo cho gia đình.

Tại phiên toà các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều, khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Ngọc P, Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến cùng các chứng cứ, tài liệu đã thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Mặc dù nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn bất chấp, xem thường pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Ngọc P vì hám lợi nên đã mua ma túy vừa để sử dụng vừa bán cho người khác nhằm mục đích kiếm lời. Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T là những con nghiện đã mua lại ma túy của Lê Ngọc P nhằm mục đích tàng trữ để sử dụng nhu cầu cá nhân. Số ma túy mà các bị cáo đã mua bán, tàng trữ là loại Methamphetamine. Khối lượng ma túy mà Lê Ngọc P, Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T đã mua bán, tàng trữ có tổng khối lượng 0,504 gam.

Trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ về thời gian, địa điểm, khối lượng chất ma túy, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Lê Ngọc P phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251; bị cáo Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại chất ma túy, vì vậy cần phải xử lý nghiêm. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng, nhận thức pháp luật, cũng như hiểu rõ tác hại của ma túy, nhưng lại thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân, không chịu khó lao động để tạo thu nhập hợp pháp mà thích ăn chơi lêu lộng, có lối sống buông thả. Hai bị cáo Lê Ngọc P và Nguyễn Thành T có nhân thân xấu đã từng phạm tội và bị Tòa án xét xử, nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa P vẫn không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Các bị cáo đều là những người nghiện ma túy. Vì vậy căn cứ vào các quy

định của Bộ luật hình sự quyết định mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã gây ra, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để các bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Lê Ngọc P có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo tương xứng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà mỗi bị cáo được hưởng.

[4] Về xử lý vật chứng: đối với số ma túy loại Methamphetamine mà các bị cáo mua bán, tàng trữ đã bị thu giữ, sau khi giám định đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình niêm phong cùng với các vũ bao gói; 02 chiếc điện thoại di động bên trong có hai thẻ sim và 01 chai nhựa có gắn 01 tờ giấy cuộn tròn. Đây là những vật cấm lưu hành, những công cụ, P tiện liên quan đến việc phạm tội; số tiền 380.000 đồng là tiền mà bị cáo P thu lợi bất chính từ việc bán ma túy. Cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy và tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Riêng số tiền 2.310.00 đã thu giữ của bị cáo Lê Ngọc P, xét thấy không liên quan đến việc phạm tội, nên cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS để trả lại cho bị cáo.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, biển kiểm soát 73D1-23901 mà Nguyễn Thành T và Lê Huỳnh Đ sử dụng làm P tiện phạm tội, tuy nhiên xe chủ sở hữu hợp pháp là của anh Lê Ngọc Chung, việc bị cáo T mượn để đi mua ma túy anh Chung hoàn toàn không biết. Vì vậy trong giai đoạn điều tra ngày 16/5/2022 cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã trả lại cho anh Chung là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Lê Ngọc P, nhưng bị cáo không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xử lý.

[6] Về án phí: Các bị cáo Lê Ngọc P, Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Lê Ngọc P phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc P 25 (hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 28/3/2022).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Huỳnh Đ 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 28/3/2022).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 28/3/2022).

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Ngọc P, Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo cho việc thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) phong bì thư, trên có ghi nội dung “392/KL-KTHS” Mẫu ký hiệu A bên trong có chất ma túy cùng vỏ bao gói; 01 chai nhựa có gắn một tờ giấy cuộn tròn và 02 thẻ sim điện thoại lần lượt có số 0843818186, 0911966514;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 380.000đ (ba trăm tám mươi nghìn đồng) và giá trị 02 (hai) chiếc điện thoại di động;

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc P số tiền 2.310.000đ (hai triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Các vật chứng được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có đặc điểm mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Ngọc P, Lê Huỳnh Đ và Nguyễn Thành T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Hữu Tình